

## SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐỒNG THÁP

### PHỤ LỤC 1 LỊCH THỰC HIỆN CÔNG TÁC TUYỂN SINH LỚP 10, LỚP 10 CHUYÊN (Kèm theo Công văn số 43 /HD-SGDĐT ngày 15/3/2023 của Sở GDĐT)

TT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
<b>A</b>	<b>CÔNG TÁC CHUẨN BỊ CHUNG</b>			
1	Hướng dẫn tuyển sinh lớp 10, lớp 10 chuyên.	<b>Trước ngày 15/3/2023</b>	Sở GDĐT	
2	Ban hành kế hoạch tuyển sinh.	<b>Trước ngày 25/3/2023</b>	Phòng GDĐT, Trường THPT	
3	Thông báo tuyển sinh vào lớp 10, lớp 10 chuyên đến các trường THCS trong tỉnh.	<b>Trước ngày 25/3/2023</b>	Phòng GDĐT, Trường THPT	
<b>B</b>	<b>THI TUYỂN LỚP 10 CHUYÊN</b>			
1	Nhận, kiểm tra, nhập dữ liệu hồ sơ học sinh đăng ký dự tuyển lớp 10 chuyên.	<b>Từ ngày 26 – 28/5/2023</b>	Trường THPT chuyên	
2	Kiểm tra hồ sơ đăng ký dự tuyển.	<b>Từ ngày 29 – 30/5/2023</b>	Trường THPT chuyên	
3	Chuyển dữ liệu thí sinh dự thi và Danh sách GV coi thi về Sở bằng file mềm qua email.	<b>Ngày 30/5/2023</b>	Trường THPT chuyên	
4	Sở GDĐT thông báo kết quả sơ tuyển vòng 1 cho học sinh dự tuyển trường chuyên.	<b>Ngày 01/6/2023</b>	Sở GDĐT, trường THPT chuyên	
5	Sở GDĐT gửi dữ liệu cho các trường THPT chuyên để in ấn các biểu mẫu.	<b>Ngày 02/6/2023</b>	Sở GDĐT, Trường THPT chuyên	
6	- In thẻ dự thi từ file (định dạng PDF) Sở gửi về, kiểm tra, dán ảnh, đóng dấu. - In danh sách phòng thi, các biểu mẫu phục vụ coi thi.	<b>Từ ngày 02 - 03/6/2023</b>	Trường THPT chuyên	
7	Chuẩn bị cơ sở vật phục vụ chất tổ chức hội đồng coi thi.	<b>Từ ngày 20 – 31/5/2023</b>	Trường THPT chuyên	
8	Phát thẻ dự thi cho học sinh.	<b>Từ ngày 03 – 04/6/2023</b>	Trường THCS, THPT chuyên	
9	Các hội đồng coi thi bắt đầu làm việc.	<b>Ngày 06/6/2023</b>	Các HĐ coi thi	
10	<b>Tổ chức coi thi theo lịch</b>	<b>Các ngày 08, 09, 10/6/2023</b>	Các HĐ coi thi	

<b>TT</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Đơn vị thực hiện</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>C</b>	<b>CHẤM THI</b>			
1	Chuẩn bị CSVC chấm thi.	<b>Từ ngày 01 – 05/6/2023</b>	Hội đồng chấm	
2	Chấm thi.	<b>Từ ngày 11 – 15/6/2023</b>	Hội đồng chấm	
3	Dự kiến công bố kết quả điểm thi.	<b>Ngày 16/6/2023</b>	Hội đồng chấm	
4	Dự kiến nhận đơn phúc khảo.	<b>Từ ngày 16 – 18/6/2023</b>	Trường THPT chuyên	
5	Dự kiến chấm phúc khảo.	<b>Từ ngày 19 – 20/6/2023</b>	Sở GDĐT	
6	Dự kiến thông báo kết quả phúc khảo.	<b>Ngày 20/6/2023</b>	Sở GDĐT	
<b>D</b>	<b>XÉT TUYỂN SINH LỚP 10 CHUYÊN</b>			
1	Dự kiến công bố kết quả trúng tuyển lớp 10 chuyên.	<b>Ngày 22/6/2023</b>	Sở GDĐT	
2	Trả hồ sơ dự tuyển trực tiếp cho học sinh không trúng tuyển vào trường chuyên	<b>Từ ngày 22 – 24/6/2023</b>	Trường THPT chuyên, học sinh	
<b>E</b>	<b>TUYỂN SINH LỚP 10 THPT</b>			
1	Nhận, kiểm tra, nhập dữ liệu hồ sơ học sinh đăng ký tuyển sinh lớp 10 THPT.	<b>Từ ngày 26 - 29/5/2023</b>	Trường THCS, THPT	
2	Bàn giao hồ sơ, dữ liệu từ các trường THCS về cho trường THPT.	<b>Ngày 30/5/2023</b>	Trường THCS, THPT	
3	Kiểm tra hồ sơ, kiểm tra dữ liệu.	<b>Từ ngày 30/5 - 01/6/2023</b>	Trường THPT	
4	Nộp hồ sơ về Sở: - Danh sách đăng ký dự tuyển. - Phiếu đăng ký dự tuyển. - Biên bản kiểm tra hồ sơ đăng ký dự tuyển (bản photo). - File dữ liệu gửi qua email: qlthi.sodongthap@gmail.com	<b>Ngày 02/6/2023</b>	Trường THPT	
5	Kiểm tra hồ sơ đăng ký dự tuyển	<b>Từ ngày 05 – 10/6/2023</b>	Sở GDĐT	

<b>TT</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Đơn vị thực hiện</b>	<b>Ghi chú</b>
6	Thông báo Danh sách thí sinh đăng ký dự tuyển	<b>Ngày 16/6/2023</b>	Sở GDĐT, Trường THPT	
7	Thí sinh rà soát, kiểm tra thông tin đăng ký dự tuyển. Nộp đơn đề nghị điều chỉnh thông tin đăng ký dự tuyển (nếu có).	<b>Từ ngày 16 – 18/6/2023</b>	Thí sinh	
8	Nhận đơn đề nghị điều chỉnh thông tin đăng ký dự tuyển (nếu có).	<b>Từ ngày 16 – 18/6/2023</b>	Trường THPT	
9	Gửi đơn đề nghị điều chỉnh thông tin đăng ký dự tuyển của thí sinh về Sở GDĐT (nếu có).	<b>Ngày 18/6/2023</b>	Trường THPT, Sở GDĐT	
10	Thông báo kết quả điều chỉnh thông tin đăng ký dự tuyển (nếu có).	<b>Ngày 20/6/2023</b>	Sở GDĐT, Trường THPT	
11	Tổ chức xét tuyển.	<b>Từ ngày 22 – 23/6/2023</b>	Sở GDĐT	
12	Công bố kết quả trúng tuyển.	<b>Ngày 24/6/2023</b>	Sở GDĐT Trường THPT	
13	- Trả hồ sơ dự tuyển trực tiếp cho học sinh không trúng tuyển nguyện vọng 1 vào trường THPT. - Trả hồ sơ dự tuyển trực tiếp cho trường THCS đối với học sinh không trúng tuyển vào trường THPT.	<b>Từ ngày 01 – 05/7/2023</b>	Trường THPT, trường THCS, học sinh	
14	Nhận hồ sơ của học sinh trúng tuyển vào trường THPT theo nguyện vọng 2	<b>Từ ngày 01 – 07/7/2023</b>	Trường THPT, học sinh	

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Phụ lục 2a

**PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN LỚP 10 CHUYÊN**  
**Năm học 2023-2024**

**Kính gửi: Hội đồng tuyển sinh Trường THPT chuyên** .....

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Họ và tên học sinh (viết chữ in hoa): ..... Nam / Nữ
2. Sinh ngày..... tháng..... năm..... Dân tộc.....
3. Nơi sinh (ghi tên tỉnh hoặc thành phố trực thuộc trung ương): .....
4. Địa chỉ liên hệ: ..... Điện thoại.....
5. Học sinh lớp..... trường THCS..... huyện (TP): ..... tỉnh: .....

**B. THÔNG TIN ĐĂNG KÝ (sau khi nộp hồ sơ ĐKDT cho trường dự tuyển, thí sinh không được điều chỉnh nguyện vọng)****6. Đăng ký thi tuyển vào lớp 10 Chuyên:**

- a) Đăng ký thi môn chuyên 1: ....., Điểm trung bình cả năm môn chuyên 1: .....
- b) Đăng ký thi môn chuyên 2: ....., Điểm trung bình cả năm môn chuyên 2: .....
- c) Đăng ký vào lớp không chuyên (Ghi rõ: Đồng ý / không đồng ý): .....

**7. Đăng ký tuyển sinh vào lớp 10 THPT**

- a) Nguyện vọng 1 (bắt buộc) vào trường: ..... huyện/TP.....
- b) Nguyện vọng 2 vào trường THPT: ..... huyện/TP.....

(Nếu học sinh không chọn Nguyện vọng 2 thì ghi **Không chọn**)

**C. THÔNG TIN XÉT TUYỂN****8. Kết quả cuối năm các lớp cấp THCS**

	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
<b>Điểm TB các môn cả năm học</b>				
<b>Xếp loại học lực</b>				
<b>Xếp loại hạnh kiểm</b>				

9. Xếp loại tốt nghiệp THCS: ....., năm tốt nghiệp THCS/BT THCS: .....

10. Ngoại ngữ: Tiếng Anh , Tiếng Pháp , Ngoại ngữ khác: .....

11. Đạt giải các môn văn hoá cấp tỉnh: *Giải*: ..... Môn: .....

12. Đạt giải Cuộc thi Khoa học kỹ thuật cấp tỉnh: *Giải* .....

13. Đạt giải Cuộc thi Khoa học kỹ thuật cấp QG: *Giải* .....

14. **Diện ưu tiên** trong xét tuyển sinh lớp 10 THPT (xem hướng dẫn mặt sau):

*Diện ưu tiên*: ..... *Mã ưu tiên*: ..... *Điểm ưu tiên*: .....

*Diện ưu tiên*: ..... *Mã ưu tiên*: ..... *Điểm ưu tiên*: .....

**Tổng số điểm ưu tiên được cộng thêm:** ..... **điểm**

**Xác nhận của Hiệu trưởng trường THCS** .....

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu giáp lai ảnh)

..... ngày tháng năm 2023

**Chữ ký học sinh**

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Ảnh

3x4

(Trường  
THCS đóng  
dấu giáp lai  
ảnh này)

Ảnh 3x4

(không đóng  
dấu giáp lai  
ảnh này vì  
sử dụng để  
làm Thẻ dự  
thì)

**CHA MẸ HỌC SINH**

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

\***CHÚ Ý:** Hồ sơ kèm theo, bao gồm:

- + Bản sao giấy khai sinh hợp lệ.
- + Giấy chứng nhận tốt nghiệp THCS tạm thời (do trường THCS cấp).
- + Học bạ THCS (bản chính).
- + Các giấy chứng nhận đạt giải (nếu có).

**Kết quả kiểm tra hồ sơ của trường THPT chuyên**

- Học bạ:                            hợp lệ  không hợp lệ
- Bản sao khai sinh:            hợp lệ  không hợp lệ
- GCN tốt nghiệp THCS: hợp lệ  không hợp lệ
- Các thông tin ghi trong Phiếu đăng ký dự tuyển: Chính xác  không chính xác

**NGƯỜI KIỂM TRA**  
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

..... ngày ..... tháng ..... năm .....

**HIỆU TRƯỞNG**  
(Ký tên, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**HƯỚNG DẪN ĐIỂM CỘNG THÊM DIỆN ƯU TIÊN (TS LỚP 10 THPT)**

<b>Diện ưu tiên</b>	<b>Mã UT</b>	<b>Điểm</b>
1. Con liệt sĩ.	CLS	1,5
2. Con thương binh, bệnh binh, con những người hưởng chế độ như thương binh, bệnh binh mất sức lao động từ 81% trở lên.	CTB1	1,5
3. Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học; Con của người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945; Con của người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.	CCM	1,5
4. Con anh hùng lực lượng vũ trang, con anh hùng lao động, con bà mẹ VN anh hùng.	CAH	1,0
5. Con thương binh, bệnh binh, con những người hưởng chế độ như thương binh, bệnh binh mất sức lao động dưới 81%.	CTB2	1,0
6. Người có cha hoặc mẹ là người dân tộc thiểu số; Người dân tộc thiểu số.	DTS	0,5
7. Người học đang sinh sống, học tập ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.	VS	0,5

**Lưu ý:** Những nội dung ghi trong phiếu này không được tẩy xóa, chỉnh sửa.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Phụ lục 2b

**PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN LỚP 10 THPT**  
**Năm học 2023-2024**

**Kính gửi: Hội đồng tuyển sinh Trường .....**

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Họ và tên học sinh (viết chữ in hoa): ..... Nam / Nữ
2. Sinh ngày..... tháng..... năm..... Dân tộc.....
3. Nơi sinh (ghi tên tỉnh hoặc thành phố trực thuộc trung ương): .....
4. Địa chỉ liên hệ: ..... Điện thoại .....
5. Học sinh lớp..... trường THCS..... huyện (TP): ..... tỉnh: .....

**B. THÔNG TIN ĐĂNG KÝ (sau khi nộp hồ sơ ĐKDT cho trường dự tuyển, thí sinh không được điều chỉnh nguyện vọng)****6. Đăng ký tuyển sinh vào lớp 10 THPT**

- a) **Nguyện vọng 1 (bắt buộc)** vào trường: ..... huyện/TP .....
- b) **Nguyện vọng 2** vào trường THPT: ..... huyện/TP .....

(Nếu học sinh không chọn **Nguyện vọng 2** thì ghi **Không chọn**)

**C. THÔNG TIN XÉT TUYỂN****7. Kết quả cuối năm các lớp cấp THCS**

	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
<b>Điểm TB các môn cả năm học</b>				
<b>Xếp loại học lực</b>				
<b>Xếp loại hạnh kiểm</b>				

8. **Xếp loại tốt nghiệp THCS:** ....., năm tốt nghiệp THCS/BT THCS: .....
9. Ngoại ngữ: Tiếng Anh , Tiếng Pháp , Ngoại ngữ khác: .....
10. **Diện ưu tiên** trong xét tuyển sinh lớp 10 THPT (xem hướng dẫn mặt sau đơn):

*Diện ưu tiên:* ..... *Mã ưu tiên:* ..... *Điểm ưu tiên:* .....

*Diện ưu tiên:* ..... *Mã ưu tiên:* ..... *Điểm ưu tiên:* .....

**Tổng số điểm ưu tiên được cộng thêm:** ..... **điểm**

**Xác nhận của Hiệu trưởng trường THCS**

(Ký tên, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

..... ngày tháng năm 2023

**Chữ ký học sinh**

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

**CHA MẸ HỌC SINH**

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

**\*CHÚ Ý:** Hồ sơ kèm theo, bao gồm:

- + Bản sao giấy khai sinh hợp lệ.
- + Giấy chứng nhận tốt nghiệp THCS tạm thời (do trường THCS cấp).
- + Học bạ THCS (bản chính).
- + Các giấy chứng nhận đạt giải (nếu có).

**Kết quả kiểm tra hồ sơ của trường THPT**

- Học bạ:                            hợp lệ  không hợp lệ
- Bản sao khai sinh:            hợp lệ  không hợp lệ
- GCN tốt nghiệp THCS: hợp lệ  không hợp lệ
- Các thông tin ghi trong Phiếu đăng ký dự tuyển: Chính xác  không chính xác

**NGƯỜI KIỂM TRA***(Ký tên, ghi rõ họ tên)*

..... ngày ..... tháng ..... năm .....

**HIỆU TRƯỞNG***(Ký tên, ghi rõ họ tên và đóng dấu)***HƯỚNG DẪN ĐIỂM CỘNG THÊM DIỆN ƯU TIÊN (TS LỚP 10 THPT)**

<b>Diện ưu tiên</b>	<b>Mã UT</b>	<b>Điểm</b>
1. Con liệt sĩ.	CLS	1,5
2. Con thương binh, bệnh binh, con những người hưởng chế độ như thương binh, bệnh binh mất sức lao động từ 81% trở lên.	CTB1	1,5
3. Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học; Con của người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945; Con của người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.	CCM	1,5
4. Con anh hùng lực lượng vũ trang, con anh hùng lao động, con bà mẹ VN anh hùng.	CAH	1,0
5. Con thương binh, bệnh binh, con những người hưởng chế độ như thương binh, bệnh binh mất sức lao động dưới 81%.	CTB2	1,0
6. Người có cha hoặc mẹ là người dân tộc thiểu số; Người dân tộc thiểu số.	DTS	0,5
7. Người học đang sinh sống, học tập ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.	VS	0,5

**Lưu ý:** Những nội dung ghi trong phiếu này không được tẩy xóa, chỉnh sửa.

## SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐỒNG THÁP

### PHỤ LỤC 3

### BẢNG TỔNG HỢP CHỈ TIÊU TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT Năm học 2023-2024

(Kèm theo Hướng dẫn số 43 /HD-SGDĐT ngày 15/3/2023 của Sở GDĐT Đồng Tháp)

TT	Trường THPT	Số lượng	Ghi chú
1	THPT Châu Thành 1	550	Có tuyển lớp 10 hệ GDTX
2	THPT Châu Thành 2	480	Có tuyển lớp 10 hệ GDTX
3	THPT Tân Phú Trung	294	
4	THPT Lai Vung 1	570	Có tuyển lớp 10 hệ GDTX
5	THPT Lai Vung 2	521	Có tuyển lớp 10 hệ GDTX
6	THPT Lai Vung 3	390	
7	THPT Lấp Vò 1	650	Có tuyển lớp 10 hệ GDTX
8	THPT Lấp Vò 2	560	Có tuyển lớp 10 hệ GDTX
9	THPT Lấp Vò 3	310	
10	THCS và THPT Bình Thạnh Trung	160	
11	THPT TP Sa Đéc	566	
12	THPT Nguyễn Du	475	
13	THPT TP Cao Lãnh	400	
14	THPT Trần Quốc Toản	430	
15	THPT Thiên Hộ Dương	300	
16	THPT Đỗ Công Tường	414	
17	THPT Cao Lãnh 1	480	Có tuyển lớp 10 hệ GDTX
18	THPT Cao Lãnh 2	513	Có tuyển lớp 10 hệ GDTX
19	THPT Thống Linh	390	
20	THPT Kiến Văn	160	
21	THCs và THPT Nguyễn Văn Khải	160	
22	THPT Tháp Mười	490	Có tuyển lớp 10 hệ GDTX
23	THPT Mỹ Quý	250	
24	THPT Trường Xuân	290	
25	THPT Phú Điền	250	
26	THPT Đốc Binh Kiều	200	
27	THPT Tràm Chim	430	Có tuyển lớp 10 hệ GDTX



<b>TT</b>	<b>Trường THPT</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Ghi chú</b>
28	THPT Tam Nông	383	Có tuyển lớp 10 hệ GDTX
29	THCS và THPT Hoà Bình	120	
30	THCS và THPT Phú Thành A	160	
31	THPT Thanh Bình 1	660	Có tuyển lớp 10 hệ GDTX
32	THPT Thanh Bình 2	507	Có tuyển lớp 10 hệ GDTX
33	THCS và THPT Tân Mỹ	170	
34	THPT Hồng Ngự 1	570	Có tuyển lớp 10 hệ GDTX
35	THPT Chu Văn An	480	
36	THPT Hồng Ngự 2	348	Có tuyển lớp 10 hệ GDTX
37	THPT Hồng Ngự 3	470	Có tuyển lớp 10 hệ GDTX
38	THPT Long Khánh A	265	Có tuyển lớp 10 hệ GDTX
39	THPT Tân Hồng	470	Có tuyển lớp 10 hệ GDTX
40	THCS và THPT Tân Thành	210	
41	THCS và THPT Giồng Thị Đam	205	
	<b>Cộng</b>	<b>15.701</b>	

---

## SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐỒNG THÁP

### PHỤ LỤC 4 HƯỚNG DẪN NHẬN, KIỂM TRA SẮP XẾP HỒ SƠ TUYỂN SINH LỚP 10 THPT, LỚP 10 CHUYÊN

(Kèm theo Hướng dẫn số 43/HD-SGDĐT ngày 15/3/2023 của Sở GDĐT)

#### I. Đối với đơn vị đăng ký dự tuyển (trường THCS)

##### 1. Kiểm tra hồ sơ học sinh, sắp xếp hồ sơ, nhập dữ liệu.

###### Bước 1: Nhận hồ sơ

- Thu Phiếu đăng ký dự tuyển (*Phụ lục 2a*) của học sinh.
- Tổ kiểm tra hồ sơ rà soát các thông tin và đối chiếu giữa nội dung ghi trên Phiếu đăng ký dự tuyển với hồ sơ học sinh nhà trường đang quản lý (Học bạ, giấy khai sinh).
- Kiểm tra tính chính xác các thông tin: Thông tin chung về đăng ký dự tuyển; Điểm trung bình các môn cả năm, xếp loại học lực, hạnh kiểm các lớp cấp THCS; các diện ưu tiên, khuyến khích.

###### Lưu ý:

- *Phiếu đăng ký dự tuyển của học sinh do học sinh tự ghi, nhà trường không làm thay. Nội dung ghi trong phiếu đăng ký dự tuyển không được tẩy xóa, chỉnh sửa.*
- *Trường hợp học sinh chỉ chọn 1 nguyện vọng, nhà trường có trách nhiệm rà soát để xác định tính chính xác việc chọn nguyện vọng của học sinh, đồng thời học sinh phải ghi “**Không chọn**” vào mục Nguyện vọng 2.*
- *Nhà trường có thông báo cho cha mẹ học sinh biết về chọn nguyện vọng của học sinh và cha mẹ học sinh ký xác nhận.*

###### Bước 2: Sắp xếp hồ sơ

Sắp xếp hồ sơ dự thi của học sinh theo quy tắc:

- Tách hồ sơ học sinh của lớp đăng ký dự tuyển theo từng trường THPT.
- Tập hợp hồ sơ học sinh các lớp đăng ký dự tuyển theo riêng từng trường THPT, sau đó sắp xếp hồ sơ theo thứ tự a,b,c,... họ, tên.

###### Bước 3: Nhập dữ liệu

Căn cứ vào hồ sơ dự tuyển của học sinh theo từng nhóm (đăng ký dự tuyển cùng 1 trường THPT), cán bộ phụ trách nhập dữ liệu sẽ nhập dữ liệu vào máy tính. Mỗi nhóm dự tuyển nhập trên 1 file riêng (*Phụ lục 4*).

###### Bước 4: In danh sách, kiểm dò, điều chỉnh dữ liệu

- Sau khi nhập xong dữ liệu của từng nhóm, cán bộ phụ trách nhập dữ liệu in Danh sách học sinh dự tuyển vào lớp 10.

- Tổ chức rà soát, kiểm tra tính chính xác và ký xác nhận.
- Nếu có sai sót và có yêu cầu chỉnh sửa, phải rà soát lại hồ sơ đăng ký dự tuyển của học sinh một lần nữa để đảm bảo tính chính xác. Cán bộ phụ trách nhập dữ liệu chỉnh sửa và kiểm tra lại tính chính xác sau khi điều chỉnh.

## **2. Gửi hồ sơ về trường THPT**

Trường THCS nộp hồ sơ trực tiếp về trường THPT gồm những nội dung:

- Danh sách học sinh dự tuyển vào lớp 10 trường THPT (*Mẫu 1*) (*có chữ ký của Hiệu trưởng và đóng dấu*).
- File dữ liệu (*gửi qua email của trường THPT*).
- Hồ sơ dự thi (*sắp xếp theo thứ tự danh sách*).

## **II. Đối với trường THPT, THPT chuyên**

- Trường THPT chuyên tổ chức nhận trực tiếp hồ sơ học sinh đăng ký dự tuyển vào trường THPT chuyên; tổ chức kiểm tra hồ sơ.

- Trường THPT:

+ Tổ chức thu nhận hồ sơ dự thi của học sinh do trường THCS nộp gồm 3 nội dung ở Mục 2 Phần I nêu trên. Khi thu nhận hồ sơ phải kiểm tra đủ số lượng (theo danh sách) và hồ sơ sắp xếp đúng theo thứ tự danh sách..

+ Tổ chức nhận trực tiếp hồ sơ học sinh đối với học sinh tốt nghiệp THCS những năm trước, học sinh vùng giáp ranh; tổ chức kiểm tra hồ sơ (*có ghi biên bản*).

*Quy trình kiểm tra hồ sơ:*

### **Bước 1:** Rà soát, đối chiếu

Tổ chức kiểm tra hồ sơ, rà soát các thông tin và đối chiếu giữa nội dung ghi trên Phiếu đăng ký dự tuyển với hồ sơ học sinh và các loại giấy tờ có liên quan, đồng thời đối chiếu với Danh sách học sinh dự tuyển vào lớp 10 trường THPT. Nếu phát hiện có sự sai sót, phải có biện pháp để điều chỉnh cho khớp thông tin giữa các loại hồ sơ của thí sinh.

### **Lưu ý:**

*Kiểm tra tính chính xác các thông tin: Thông tin chung về đăng ký dự tuyển; Điểm trung bình các môn cả năm, xếp loại học lực, hạnh kiểm các lớp cấp THCS; các diện ưu tiên, khuyến khích; chọn nguyện vọng thi chuyên; nguyện vọng tuyển sinh lớp 10 THPT.*

### **Bước 2:** Điều chỉnh dữ liệu

Khi phát hiện có sự sai sót trên Danh sách học sinh dự tuyển vào lớp 10, cần phải điều chỉnh dữ liệu.

Sau khi đảm bảo tính chính xác dữ liệu, thực hiện Bước 3

### **Bước 3:** Tổng hợp ghép dữ liệu, gửi hồ sơ và dữ liệu về Sở

- Thực hiện ghép dữ liệu dự thi từ các trường THCS gửi đến vào 01 (một) file theo hướng dẫn (**Phụ lục 5**).

- Gửi hồ sơ và dữ liệu về Sở gồm:

+ Danh sách học sinh dự tuyển vào lớp 10 trường THPT (*Mẫu 2*).

+ Các Phiếu đăng ký dự tuyển của học sinh (*sắp xếp theo đúng thứ tự trong danh sách*).

+ Biên bản kiểm tra hồ sơ (*bản photo*)

+ File dữ liệu gửi qua email: [qlthi.sodongthap@gmail.com](mailto:qlthi.sodongthap@gmail.com).

**Lưu ý:** Kiểm tra hồ sơ học sinh, sắp xếp hồ sơ, nhập dữ liệu đều ghi biên bản, lưu trữ hồ sơ theo quy định.

---

# SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐỒNG THÁP

## PHỤ LỤC 5

### HƯỚNG DẪN NHẬP DỮ LIỆU TUYỂN SINH LỚP 10 THPT, LỚP 10 CHUYÊN

(Kèm theo Hướng dẫn số 43/HD-SGDĐT ngày 15/3/2023 của Sở GDĐT)

#### I. Những qui định chung

- Dữ liệu của kỳ thi được nhập vào file mẫu thống nhất trong toàn tỉnh, mẫu do Sở GDĐT gửi về các Phòng GDĐT, các trường THPT, các trường THCS.

- Trường THCS thực hiện nhập dữ liệu cho những học sinh tốt nghiệp THCS năm 2023 nộp hồ sơ tại trường THCS để dự thi tuyển vào lớp 10 các trường THPT.

- Trường THPT chuyên thực hiện nhập dữ liệu cho những học sinh đăng ký dự tuyển vào trường THPT chuyên.

- Trường THPT thực hiện nhập dữ liệu cho những học sinh nộp hồ sơ tại trường THPT (*học sinh tốt nghiệp THCS từ năm 2022 trở về trước, học sinh thuộc địa bàn giáp ranh, học sinh ngoài tỉnh*).

- Đặc điểm của mẫu nhập liệu: Có những vùng được phép nhập dữ liệu, có những vùng bị khoá không cho phép nhập dữ liệu.

- Trong mẫu nhập liệu: Có những chi tiết máy sẽ tự động điền vào khi thực hiện in dữ liệu.

- Nhập từng mẫu tin vào file dữ liệu, *tuyệt đối không được copy từ danh sách lưu tại đơn vị vào file dữ liệu* vì điều này sẽ làm sai lệch định dạng dữ liệu.

- Nhập **theo thứ tự hồ sơ học sinh** đã sắp xếp theo quy định (**Phụ lục 4**).

- **Đặt tên file:**

+ Tên tập tin là chuỗi ký tự không dấu.

+ Cấu trúc: **DT<Mã trường THPT>\_< Tên trường THCS>\_2023.xlsx**  
(*Danh sách mã trường THPT - xem Phần V. Danh sách trường THPT của Phụ lục này*)

**Ví dụ:** Nhóm học sinh Trường THCS Phú Lợi, dự tuyển vào Trường THPT Thanh Bình 1. Tên tập tin là **DT09301\_Phu Loi\_2023.xlsx**; Nhóm học sinh Trường THCS Phú Lợi, dự tuyển vào Trường THCS-THPT Tân Mỹ. Tên tập tin là **DT09303\_Phu Loi\_2023.xlsx**.

- Các máy tính phục vụ dữ liệu thi tuyển sinh lớp 10 phải được kiểm tra, quét sạch virus, cài đặt Microsoft Office (Word và Excel), bộ công cụ (User, tiện ích Tiếng Việt) tương thích với phiên bản Excel, sử dụng font: Cambria.

#### II. Hướng dẫn nhập dữ liệu tuyển sinh lớp 10 THPT

Nhập dữ liệu tuyển sinh lớp 10 THPT vào tập tin mẫu (**MaunhapTS10.xlsx, sheet DSTHPT**) từ cột 1 đến cột 34. Chi tiết nhập dữ liệu như sau:

**1. STT (cột 01):** Nhập số thứ tự bắt đầu từ số 1.

**2. Họ tên (cột 02):** Nhập in hoa ký tự đầu mỗi từ, giữa mỗi từ chỉ có duy nhất một khoảng trống, không được có khoảng trống đầu hoặc cuối chuỗi họ tên.

**3. Giới tính (cột 03):** Nhập **Nam** hoặc **Nữ**.

**4. Ngày tháng năm sinh (cột 04, 05, 06):**

- **NG (cột 04):** nhập dạng chuỗi gồm 02 ký tự **ngày sinh** của học sinh. Không có ngày sinh, không nhập.


- **TH (cột 05):** nhập dạng chuỗi gồm 02 ký tự **tháng sinh** của học sinh. Không có tháng sinh, không nhập.

- **NA (cột 06):** nhập dạng chuỗi gồm 04 ký tự **năm sinh** của thí sinh.


**5. Nơi sinh (cột 07):** Chỉ nhập tên tỉnh hoặc thành phố trực thuộc trung ương, không viết tắt. Cho phép viết tắt cụm từ “Thành phố” thành “TP”.

Ví dụ: Đồng Tháp, An Giang, TP. Hồ Chí Minh

**6. Dân tộc (cột 08):** Nhập tên dân tộc. Ví dụ: Kinh, Hoa, Khome, ...

**7. Huyện, TP (cột 09):** Click vào nút mũi tên () để chọn tên huyện, thị xã, thành phố trong danh sách. Đối với học sinh học ở ngoài tỉnh, chọn tên tỉnh.

*Lưu ý: Đối với trường THPT, nhập dữ liệu cho học sinh ngoài tỉnh, nếu tên tỉnh không có trong danh sách, bổ sung tên tỉnh, tên trường THCS tương ứng ở nội dung tô màu vàng, Mục 1, Mục 2, Sheet Thongso.*

**8. Trường THCS (cột 10):** Sau khi chọn tên huyện, thành phố, Click vào nút mũi tên () để chọn tên trường THCS.

## 9. Kết quả học tập các năm cấp THCS

### 9.1. Lớp 6

- **HK (cột 11):** Tốt nhập **T**, Khá nhập **K**, Trung bình nhập **TB**.

- **HL (cột 12):** Giỏi nhập **G**, Khá nhập **K**, Trung bình nhập **TB**.

- **ĐTB (Cột 13):** Nhập Điểm trung bình các môn cả năm

### 9.2. Lớp 7

- **HK (cột 14):** Tốt nhập **T**, Khá nhập **K**, Trung bình nhập **TB**.

- **HL (cột 15):** Giỏi nhập **G**, Khá nhập **K**, Trung bình nhập **TB**.

- **ĐTB (Cột 16):** Nhập Điểm trung bình các môn cả năm

### 9.3. Lớp 8

- **HK** (cột 17): Tốt nhập **T**, Khá nhập **K**, Trung bình nhập **TB**.
- **HL** (cột 18): Giỏi nhập **G**, Khá nhập **K**, Trung bình nhập **TB**.
- **ĐTB** (Cột 19): Nhập Điểm trung bình các môn cả năm

#### 9.4. Lớp 9

- **HK** (cột 20): Tốt nhập **T**, Khá nhập **K**, Trung bình nhập **TB**.
- **HL** (cột 21): Giỏi nhập **G**, Khá nhập **K**, Trung bình nhập **TB**.
- **ĐTB** (Cột 22): Nhập Điểm trung bình các môn cả năm

### 10. Tốt nghiệp THCS


**10.1. Xếp loại** (cột 23): Giỏi nhập **G**, Khá nhập **K**, Trung bình nhập **TB**.


**10.2. Năm TN** (Cột 24): Nhập năm tốt nghiệp THCS/BT THCS. Ví dụ: Học sinh tốt nghiệp THCS năm học 2022 – 2023 nhập “**2023**”.

**11. Mã UT** (từ cột 25 đến cột 27): Nhập mã ưu tiên. Nếu học sinh có nhiều ưu tiên thì nhập theo thứ tự các cột: (cột 25)-UT1, (cột 26)-UT2, (cột 27)-UT3.


### 12. Nguyên vọng THPT:


#### 12.1. Nguyên vọng 1

- **Huyện** (cột 28): Click vào nút mũi tên () để chọn tên huyện, thành phố trong danh sách (địa bàn tuyển sinh của trường THPT).

- **NV1** (cột 29): Click vào nút mũi tên () chọn mã trường mà học sinh đăng ký dự tuyển Nguyên vọng 1.

#### 12.2. Nguyên vọng 2

- **Huyện** (cột 30): Click vào nút mũi tên () để chọn tên huyện, thành phố trong danh sách (địa bàn tuyển sinh của trường THPT) hoặc “**Không chọn**” đối với học sinh không chọn nguyên vọng 2

- **NV2** (cột 31): Click vào nút mũi tên () chọn mã trường mà học sinh đăng ký dự tuyển Nguyên vọng 2 hoặc “**KC**” đối với học sinh không chọn nguyên vọng 2

**Lưu ý:** mã trường nguyên vọng 1, mã trường nguyên vọng 2- xem **Phân V. Danh sách trường THPT của Phụ lục này**).

**13. Lớp** (cột 32): Nhập tên lớp học sinh đang học. Thí sinh tự do nhập TDO.

**14. Địa chỉ** (cột 33): Nhập địa chỉ cụ thể, rõ ràng, chi tiết: số nhà, tổ, khóm/ấp, xã/phường/thị trấn, huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh), tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương.

**15. Số điện thoại** (cột 34): Nhập số điện thoại của học sinh hoặc cha/mẹ học sinh.

### III. Hướng dẫn nhập dữ liệu tuyển sinh lớp 10 chuyên

Nhập dữ liệu tuyển sinh lớp 10 chuyên vào tập tin mẫu (**Maunhapthituyen10CH.xlsx, sheet DSCH**) từ cột 1 đến cột 40. Chi tiết nhập dữ liệu như sau:

**1. STT** (cột 01): Nhập số thứ tự bắt đầu từ số 1.

**2. Họ tên** (cột 02): Nhập in hoa ký tự đầu mỗi từ, giữa mỗi từ chỉ có duy nhất một khoảng trống, không được có khoảng trống đầu hoặc cuối chuỗi họ tên.

**3. Giới tính** (cột 03): Nhập **Nam** hoặc **Nữ**.

**4. Ngày tháng năm sinh** (cột 04, 05, 06):

- **NG** (cột 04): nhập dạng chuỗi gồm 02 ký tự **ngày sinh** của học sinh. Không có ngày sinh, không nhập.


- **TH** (cột 05): nhập dạng chuỗi gồm 02 ký tự **tháng sinh** của học sinh. Không có tháng sinh, không nhập.

- **NA** (cột 06): nhập dạng chuỗi gồm 04 ký tự **năm sinh** của thí sinh.

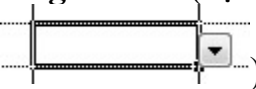
**5. Nơi sinh** (cột 07): Chỉ nhập tên tỉnh hoặc thành phố trực thuộc trung ương, không viết tắt. Cho phép viết tắt cụm từ “Thành phố” thành “TP”.

Ví dụ: Đồng Tháp, An Giang, TP. Hồ Chí Minh

**6. Dân tộc** (cột 08): Nhập tên dân tộc. Ví dụ: Kinh, Hoa, Khme, ...

**7. Huyện, TP** (cột 09): Click vào nút mũi tên () để chọn tên huyện, thị xã, thành phố trong danh sách. Đối với học sinh học ở ngoài tỉnh, chọn tên tỉnh.

***Lưu ý:** Đối với trường THPT, nhập dữ liệu cho học sinh ngoài tỉnh, nếu tên tỉnh không có trong danh sách, bổ sung tên tỉnh, tên trường THCS tương ứng ở nội dung tô màu vàng, Mục 1, Mục 2, Sheet Thongso.*

**8. Trường THCS** (cột 10): Sau khi chọn tên huyện, thành phố, Click vào nút mũi tên () để chọn tên trường THCS.

### 9. Kết quả học tập các năm cấp THCS

#### 9.1. Lớp 6

- **HK** (cột 11): Tốt nhập **T**, Khá nhập **K**, Trung bình nhập **TB**.

- **HL** (cột 12): Giỏi nhập **G**, Khá nhập **K**, Trung bình nhập **TB**.

- **ĐTB** (Cột 13): Nhập Điểm trung bình các môn cả năm

#### 9.2. Lớp 7



- **HK** (cột 14): Tốt nhập **T**, Khá nhập **K**, Trung bình nhập **TB**.
- **HL** (cột 15): Giỏi nhập **G**, Khá nhập **K**, Trung bình nhập **TB**.
- **ĐTB** (Cột 16): Nhập Điểm trung bình các môn cả năm

### 9.3. Lớp 8

- **HK** (cột 17): Tốt nhập **T**, Khá nhập **K**, Trung bình nhập **TB**.
- **HL** (cột 18): Giỏi nhập **G**, Khá nhập **K**, Trung bình nhập **TB**.
- **ĐTB** (Cột 19): Nhập Điểm trung bình các môn cả năm

### 9.4. Lớp 9

- **HK** (cột 20): Tốt nhập **T**, Khá nhập **K**, Trung bình nhập **TB**.
- **HL** (cột 21): Giỏi nhập **G**, Khá nhập **K**, Trung bình nhập **TB**.
- **ĐTB** (Cột 22): Nhập Điểm trung bình các môn cả năm

## 10. Tốt nghiệp THCS


**10.1. Xếp loại** (cột 23): Giỏi nhập **G**, Khá nhập **K**, Trung bình nhập **TB**.


**10.2. Năm TN** (Cột 24): Nhập năm tốt nghiệp THCS/BT THCS. Ví dụ: Học sinh tốt nghiệp THCS năm học 2022 – 2023 nhập “**2023**”.

**11. Mã UT**(từ cột 25 đến cột 27): Nhập mã ưu tiên. Nếu học sinh có nhiều ưu tiên thì nhập theo thứ tự các cột: (cột 25)-UT1, (cột 26)-UT2, (cột 27)-UT3.


## 12. Nguyên vọng THPT:


### 12.1. Nguyên vọng 1

- **Huyện** (cột 28): Click vào nút mũi tên () để chọn tên huyện, thành phố trong danh sách (địa bàn tuyển sinh của trường THPT).

- **NV1** (cột 29): Click vào nút mũi tên () chọn mã trường mà học sinh đăng ký dự tuyển Nguyên vọng 1.


### 12.2. Nguyên vọng 2

- **Huyện** (cột 30): Click vào nút mũi tên () để chọn tên huyện, thành phố trong danh sách (địa bàn tuyển sinh của trường THPT) hoặc “**Không chọn**” đối với học sinh không chọn nguyên vọng 2

- **NV2** (cột 31): Click vào nút mũi tên () chọn mã trường mà học sinh đăng ký dự tuyển Nguyên vọng 2 hoặc “**KC**” đối với học sinh không chọn nguyên vọng 2

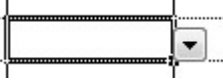
**Lưu ý:** mã trường nguyên vọng 1, mã trường nguyên vọng 2- xem Phần V.Danh sách trường THPT của Phụ lục này).

## 13. Nguyên vọng thi chuyên:


- **Mã trường** (cột 32): Click vào nút mũi tên () để chọn mã trường chuyên

(*NDC: Trường THPT chuyên Nguyễn Đình Chiểu;*


*NQD: Trường THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu).*

- **Mã môn CH1** (cột 33): Click vào nút mũi tên () mã môn chuyên 1 mà học sinh đăng ký dự thi môn chuyên 1.

- **ĐTB CN môn CH1** (cột 34): Nhập điểm trung bình cả năm môn chuyên chuyên 1.

- **Mã môn CH2** (cột 35): Click vào nút mũi tên () mã môn chuyên 2 mà học sinh đăng ký dự thi môn chuyên 1. Trường hợp học sinh không đăng ký, không nhập.

- **ĐTB CN môn CH2** (cột 36): Nhập điểm trung bình cả năm môn chuyên chuyên 2. Trường hợp học sinh không đăng ký, không nhập.

- **Không chuyên** (cột 37): Click vào nút mũi tên () chọn Đồng ý hoặc Không đồng ý

**Lưu ý:** mã môn chuyên 1, môn chuyên 2 quy định như sau:

<i>TT</i>	<i>Tên môn</i>	<i>Mã môn chuyên 1</i>	<i>Mã môn chuyên 2</i>
01	Toán	TO1	TO2
02	Vật lý	VL1	VL2
03	Hóa học	HH1	HH2
04	Sinh học	SH1	SH2
05	Ngữ văn	NV1	NV2
06	Lịch sử	LS1	LS2
07	Địa lý	DL1	DL2
08	Tiếng Anh	TA1	TA2
09	Tin học	TI1	TI2

#### 14. Đạt giải các kỳ thi, cuộc thi (từ cột 38 đến cột 40)

- Học sinh giỏi các môn văn hóa cấp tỉnh (Cột 38): **Nhất** nhập I, **Nhì** nhập II, **Ba** nhập III, **Khuyến khích** nhập IV

- Học sinh giỏi Khoa học kỹ thuật cấp tỉnh (Cột 39): **Nhất** nhập I, **Nhì** nhập II, **Ba** nhập III, **Khuyến khích** nhập IV

- Học sinh giỏi Khoa học kỹ thuật cấp quốc gia (Cột 40): **Nhất nhập I, Nhì nhập II, Ba nhập III, Khuyến khích nhập IV**

**15. Lớp** (cột 41): Nhập tên lớp học sinh đang học. Thí sinh tự do nhập TDO.

**16. Địa chỉ** (cột 42): Nhập địa chỉ cụ thể, rõ ràng, chi tiết: số nhà, tổ, khóm/ấp, xã/phường/thị trấn, huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh), tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương.

**17. Số điện thoại** (cột 43): Nhập số điện thoại của học sinh hoặc cha/mẹ học sinh.

**\* Lưu ý:**

- Nhập dữ liệu Danh sách giáo viên coi thi, chấm thi.

- Sau khi kiểm tra hồ sơ, dữ liệu, đảm bảo tính chính xác, gửi dữ liệu về Sở theo thời gian qui định.

#### **IV. Nhận dữ liệu từ trường THCS - Ghép nối dữ liệu**

##### **a) Nhận dữ liệu từ trường THCS:**

- Trường THPT nhận dữ liệu từ trường THCS (qua email và danh sách) cùng với hồ sơ học sinh (hồ sơ học sinh trường THCS sắp xếp theo thứ tự danh sách).

- Trường THPT kiểm tra lại tính chính xác từ hồ sơ học sinh, danh sách học sinh dự tuyển vào lớp 10 (căn cứ vào khai sinh, học bạ, các giấy tờ khác có liên quan, ...), nếu có sai sót phải **điều chỉnh dữ liệu trước khi ghép nối**.

##### **b) Ghép nối dữ liệu từ các trường THCS:**

Sao chép lần lượt dữ liệu của các trường THCS cùng với dữ liệu trường THPT đã nhập ghép vào 01 file mẫu, không thực hiện sắp xếp lại danh sách.

**Lưu ý:** Trình tự ghép như sau:

B1: Mở tập tin dữ liệu của 1 trường THCS.

B2: Chọn tất cả dòng có dữ liệu.

B3: Dùng lệnh Copy.

B4: Đặt con trỏ vào vị trí cần Paste trong file mẫu, dùng chức năng **Paste Special** → **Value** (Không sử dụng Paste có công thức). Đặt tên tập tin.

##### **c) Đặt tên file:**

- Tên tập tin là chuỗi ký tự không dấu.

- Cấu trúc: <Mã trường \_Tên trường THPT>\_2023.xlsx.

Ví dụ: Trường THPT Thanh Bình 1. Tên tập tin là 09301\_ThanhBinh1\_2023.xlsx

#### **V. Danh mục các trường THPT**

STT	Mã trường	Trường	Huyện	Mã trường nguyện vọng 1	Mã trường nguyện vọng 2
1	01301	THPT Châu Thành 1	Châu Thành	CT11	CT12
2	01302	THPT Châu Thành 2	Châu Thành	CT21	CT22
3	01303	THPT Tân Phú Trung	Châu Thành	TPT1	TPT2
4	02301	THPT Lai Vung 1	Lai Vung	LVG11	LVG12
5	02302	THPT Lai Vung 2	Lai Vung	LVG21	LVG22
6	02303	THPT Lai Vung 3	Lai Vung	LVG31	LVG32
7	03301	THPT Lấp Vò 1	Lấp Vò	LVO11	LVO12
8	03302	THPT Lấp Vò 2	Lấp Vò	LVO21	LVO22
9	03303	THPT Lấp Vò 3	Lấp Vò	LVO31	LVO32
10	03304	THCS & THPT Bình Thạnh Trung	Lấp Vò	BTT1	BTT2
11	04301	THPT Thành phố Sa Đéc	TP Sa Đéc	SD1	SD2
12	04303	THPT chuyên Nguyễn Đình Chiểu	Tp Sa Đéc	NDC	NDC
13	04302	THPT Nguyễn Du	TP Sa Đéc	NDU1	NDU2
14	05301	THPT thành phố Cao Lãnh	TP Cao Lãnh	TPCL1	TPCL2
15	05302	THPT Trần Quốc Toản	TP Cao Lãnh	TQT1	TQT2
16	05303	THPT Thiên Hộ Dương	TP Cao Lãnh	THD1	THD2
17	05304	THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu	Tp Cao Lãnh	NQD	NQD
18	05305	THPT Đỗ Công Tường	TP Cao Lãnh	DCT1	DCT2
19	06301	THPT Cao Lãnh 1	H.Cao Lãnh	CL11	CL12
20	06302	THPT Cao Lãnh 2	H.Cao Lãnh	CL21	CL22
21	06303	THPT Thống Linh	H.Cao Lãnh	TLI1	TLI2
22	06304	THPT Kiến Văn	H.Cao Lãnh	KV1	KV2
23	06305	THCS và THPT Nguyễn Văn Khải	H.Cao Lãnh	NVK1	NVK2
24	07301	THPT Tháp Mười	Tháp Mười	TM1	TM2
25	07302	THPT Mỹ Quý	Tháp Mười	MQ1	MQ2
26	07303	THPT Trường Xuân	Tháp Mười	TX1	TX2
27	07304	THPT Phú Điền	Tháp Mười	PD1	PD2
28	07305	THPT Đốc Binh Kiều	Tháp Mười	DBK1	DBK2
29	08301	THPT Tràm Chim	Tam Nông	TRC1	TRC2
30	08302	THPT Tam Nông	Tam Nông	TNO1	TNO2
31	08303	THCS và THPT Hoà Bình	Tam Nông	HB1	HB2
32	08304	THCS - THPT Phú Thành A	Tam Nông	PTA1	PTA2
33	09301	THPT Thanh Bình 1	Thanh Bình	TB11	TB12
34	09302	THPT Thanh Bình 2	Thanh Bình	TB21	TB22
35	09303	THCS - THPT Tân Mỹ	Thanh Bình	TMy1	TMy2

<b>STT</b>	<b>Mã trường</b>	<b>Trường</b>	<b>Huyện</b>	<b>Mã trường nguyện vọng 1</b>	<b>Mã trường nguyện vọng 2</b>
36	10301	THPT Hồng Ngự 1	TP Hồng Ngự	HN11	HN12
37	10302	THPT Chu Văn An	TP Hồng Ngự	CVA1	CVA2
38	11301	THPT Hồng Ngự 2	H.Hồng Ngự	HN21	HN22
39	11302	THPT Hồng Ngự 3	H.Hồng Ngự	HN31	HN32
40	11303	THPT Long Khánh A	H.Hồng Ngự	LKA1	LKA2
41	12301	THPT Tân Hồng	Tân Hồng	THg1	THg2
42	12302	THCS và THPT Giồng Thị Đam	Tân Hồng	GTD1	GTD2
43	12303	THCS và THPT Tân Thành	Tân Hồng	TTh1	TTh2

---

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐỒNG THÁP****PHỤ LỤC 6****TIÊU CHÍ SƠ TUYỂN VÒNG 1 TUYỂN SINH LỚP 10 CHUYÊN  
Năm học 2023-2024**

*(Kèm theo Hướng dẫn số 43 /HD-SGDĐT ngày 15/3/2023 của Sở GDĐT Đồng Tháp)*

Việc sơ tuyển để chọn học sinh tham gia thi tuyển vòng 2 được căn cứ vào các tiêu chí sau: Kết quả dự thi chọn học sinh giỏi môn văn hoá cấp tỉnh, Cuộc thi Khoa học kỹ thuật cấp tỉnh, quốc gia (nếu có), kết quả xếp loại hạnh kiểm, học lực 4 năm cấp THCS, kết quả tốt nghiệp THCS.

Các tiêu chí trên được đánh giá bằng điểm số, Sở GDĐT quy định cách thức tính điểm như sau:

- Học giỏi môn văn hoá

+ Giải Nhất: 10 điểm

+ Giải Nhì: 8 điểm

+ Giải Ba: 6 điểm

+ Giải Khuyến khích: 4 điểm

- Học sinh đạt giải Cuộc thi Khoa học kỹ thuật cấp tỉnh, cấp quốc gia dành cho học sinh THCS

+ Giải Nhất: 10 điểm

+ Giải Nhì: 8 điểm

+ Giải Ba: 6 điểm

+ Giải Khuyến khích: 4 điểm

- Học lực cuối năm xếp loại GIỎI: 5 điểm, KHÁ: 3 điểm

- Hạnh kiểm cuối năm xếp loại TỐT: 5 điểm, KHÁ: 3 điểm

- Tốt nghiệp THCS xếp loại GIỎI: 5 điểm, KHÁ: 3 điểm

---

**DANH SÁCH HỌC SINH DỰ TUYỂN VÀO LỚP 10**  
Trường \_\_\_\_\_  
Năm học: 2023 - 2024

Số TT	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	GIỚI TÍNH	NGÀY THÁNG NĂM SINH			NƠI SINH	DÂN TỘC	HUYỆN, THÀNH PHỐ	HỌC SINH TRƯỜNG THCS	Kết quả học tập các năm cấp THCS												Tốt nghiệp THCS		MÃ UT			NGUYỄN VỌNG THPT				LỚP
			Lớp 6							Lớp 7			Lớp 8			Lớp 9			Xếp loại	Năm TN	UT 1	UT 2	UT 3	Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2					
			HK	HL	ĐTB					HK	HL	ĐTB	HK	HL	ĐTB	HK	HL	ĐTB						HUYỆN	Mã Tr NV1	HUYỆN	Mã Tr NV2				
(01)	(02)	(03)	(04)	(05)	(06)	(07)	(08)	(09)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)

Tổng cộng danh sách có: 0 học sinh./.

**LẬP BẢNG**

\_\_\_\_\_ ngày tháng năm 2023  
**HIỆU TRƯỞNG**

**DANH SÁCH HỌC SINH DỰ TUYỂN VÀO LỚP 10**  
Trường \_\_\_\_\_  
Năm học: 2023 - 2024

Số TT	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	GIỚI TÍNH	NGÀY THÁNG NĂM SINH			NƠI SINH	DÂN TỘC	HUYỆN, THÀNH PHỐ	HỌC SINH TRƯỜNG THCS	Kết quả học tập các năm cấp THCS												Tốt nghiệp THCS		MÃ UT			NGUYỄN VỌNG THPT				LỚP	
			Lớp 6							Lớp 7			Lớp 8			Lớp 9			Xếp loại	Năm TN	UT 1	UT 2	UT 3	Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2						
			HK	HL	ĐTB					HK	HL	ĐTB	HK	HL	ĐTB	HK	HL	ĐTB						HUYỆN	Mã Tr NV1	HUYỆN	Mã Tr NV2					
(01)	(02)	(03)	(04)	(05)	(06)	(07)	(08)	(09)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	

Tổng cộng danh sách có: 0 học sinh./.

LẬP BẢNG

\_\_\_\_\_ ngày tháng năm 2023  
HIỆU TRƯỞNG